

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2021/DS-PT

Ngày: 07-5-2021

V/v tranh chấp hui và đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hui và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1972. Cư trú tại: ấp 3, xã Mỹ A, huyện T1, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1975.

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Cùng cư trú tại: ấp 2 xã Mỹ A, huyện T1, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Hồ Thanh T.

(Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Ông T và bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ C trình bày:*

Ngày 20/11/2017, bà có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 19.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất, bà H hẹn đến ngày 20/03/2018 sẽ trả, mục đích vay tiền là để trang trải cho cuộc sống gia đình, trong giấy mượn tiền bà H có ký tên. Ông T không ký tên.

Ngoài ra, bà có tham gia một dây hụi do bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T làm chủ hụi cụ thể như sau: Hụi giá 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/02/2009 (âm lịch), hụi có 25 phần, hình thức hưởng huê hồng, hụi một năm khai 02 lần vào ngày 15/02 (al) và ngày 15/8 (al). Bà tham gia 01 phần. Bà chưa hốt hụi. Bà đã đóng được 20 lần thì ngưng hụi, số tiền đóng hụi cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ nhưng bà C với bà H có thống nhất số tiền hụi bà H nợ bà C là 40.000.000đồng

Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà số tiền tổng cộng là 59.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà thừa nhận ngày 20/11/2017 bà có vay của bà Trần Thị Mỹ C số tiền 19.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Bà hẹn đến ngày 20/03/2018 sẽ trả lại, mục đích vay tiền là để trang trải cho cuộc sống gia đình, trong giấy mượn tiền bà ký tên và ký tên luôn tên của ông T.

Bà C có tham gia 01 dây hụi do bà H làm chủ hụi cụ thể như sau: Hụi giá 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/02/2009 (âm lịch), hụi có 25 phần, hụi hưởng hoa hồng, hụi 01 năm khai 02 lần: ngày 15/02 (al) và ngày 15/8 (al), bà C tham gia 01 phần. Bà C chưa hốt hụi, bà C đã đóng được 20 lần thì ngưng hụi. Bà với bà C có thống nhất số tiền hụi bà nợ bà C là 40.000.000đồng. Bà đồng ý trả nợ hụi cho bà C.

** Bị đơn là ông Hồ Thanh T trình bày:* Ông với bà Nguyễn Thị H là vợ chồng nhưng ông đã ly thân với bà H từ năm 2017. Ông làm thợ hồ với số tiền kiếm được đem về đưa cho bà H. Cuộc sống vợ chồng không có thiếu thốn hay vất vả. Việc bà H tham gia chơi hụi và làm chủ hụi rồi mượn tiền bà Trần Thị Mỹ C thì ông không biết và cũng không tham gia. Số tiền mượn và tiền hụi bà H sử dụng vào mục đích gì ông không biết, không thể có việc thiếu hụt kinh tế để bà H vay mượn gây nợ. Cuộc sống kinh tế gia đình là do ông lo hết. Tất cả các giấy tờ đều không có chữ ký của ông nên ông không đồng ý liên đới trả nợ cho bà C

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ các Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 Chính phủ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ C đối với bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh T về việc “Hợp đồng góp hụi và đòi tiền”

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ C số tiền 59.000.000 đồng.

2. Từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án thì bà H, ông T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H và ông T phải liên đới chịu 2.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà C không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho bà C tiền tạm ứng án phí là 1.475.000 đồng theo biên lai số 0007406 đã nộp ngày 12/10/2020 tại Chi Cục thi hành án huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 01/02/2021, bị đơn là ông Hồ Thanh T kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông T không đồng ý liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả cho bà Trần Thị Mỹ C tổng cộng 59.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Hồ Thanh T thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ông T kháng cáo cho rằng ông và bà H ly thân từ năm 2017 nên ông không biết việc bà H vay tiền của bà C và tổ chức chơi hui. Xét thấy thời gian bà H tổ chức dây hui có bà C tham gia là ngày 15/02/2019 (âm lịch) và bà H vay tiền của bà C vào tháng 11/2017. Thời điểm này ông T còn đang trong thời kỳ hôn nhân với bà H, ông T cũng thừa nhận biết bà H gây nợ rất nhiều nhưng không biết bà H tổ chức chơi hui và vay tiền nhằm mục đích gì. Tuy nhiên ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H sử dụng vào mục đích cá nhân. Còn bà H thì xác định việc tổ chức chơi hui và vay tiền nhằm mục đích chăm lo cho đời sống gia đình. Do đó, án sơ thẩm buộc bà H và ông T liên đới trả cho bà C tổng cộng 59.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hồ Thanh T thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Ngày 20/4/2021, bà Trần Thị Mỹ C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[3] Về việc ông Hồ Thanh T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả cho bà Trần Thị Mỹ C tổng cộng 59.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và nợ hui:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày ông kết hôn với bà H vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đến cuối năm 2017, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông T và bà H đã sống ly thân cho đến nay. Việc bà H làm chủ hui, tham gia chơi hui và vay tiền của bà C thì ông T không biết nên ông không đồng ý liên đới cùng bà H trả cho bà C 59.000.000 đồng tiền nợ hui và nợ vay.

Còn bà H trình bày bà làm chủ hui và trực tiếp tham gia chơi hui từ năm 2007. Đối với dây hui khai ngày 15/02/2009 (Âm lịch) gồm 25 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, mỗi năm khai 02 lần vào ngày 15/02 (Âm lịch) và ngày 15/8 (Âm lịch) thì bà C có tham gia chơi 01 phần và đóng được 20 lần thì ngưng hui. Bà H xác định bà C đã đóng được tổng cộng 40.000.000 đồng tiền hui sống và đồng ý liên đới cùng ông T trả cho bà C số tiền này. Ngoài ra, vào ngày 20/11/2017, bà H có vay của bà C số tiền 19.000.000 đồng, mục đích vay số tiền này là để đóng tiền hui sống và tiền hui chết đối với các dây hui mà bà tham gia chơi nên bà C đồng ý liên đới cùng ông T trả cho bà C số tiền này.

Đối với dây hui khai ngày 15/02/2009 (Âm lịch) mà bà C có tham gia chơi, bà H trình bày bà làm chủ hui hưởng hoa hồng, mỗi lần khai hui, người được hót hui sẽ đưa cho bà H 700.000 đồng tiền hoa hồng. Ngoài ra, bà H còn trực tiếp tham gia chơi một phần trong dây hui này. Số tiền hưởng hoa hồng do bà H làm chủ hui và số tiền bà H hót hui là để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sinh hoạt trong gia đình, ăn uống, cho con đi học... Còn mục đích bà H vay số tiền 19.000.000 đồng của bà C là để đóng tiền hui sống và tiền hui chết đối với các dây hui mà bà H đã tham gia chơi.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp. Việc bà H làm chủ hui, trực tiếp tham gia chơi hui diễn ra trong một thời gian dài từ năm 2007 đến nay và trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà H tồn tại. Việc bà H làm chủ hui hưởng hoa hồng và trực tiếp tham gia chơi hui nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu

của gia đình. Do đó, ông T có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả tiền nợ hui cho bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Mỹ C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận là: $05\% \times 59.000.000 \text{ đồng} = 2.950.000 \text{ đồng}$.

Ông Hồ Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Thanh T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ C 40.000.000 đồng tiền nợ hui và 19.000.000 đồng tiền nợ đã vay, tổng cộng là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới nộp 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ C 1.475.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007406 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Thủ Thừa.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Hồ Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007654 ngày 01/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

